

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **110/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-12-2017.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Thủy.**

2. Ông Trần Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Phương Dung** – Kiểm sát viên sơ cấp.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **560/2017/TLST-HNGĐ** ngày 10 tháng 10 năm 2017, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **112/2017/QĐST-HNGĐ** ngày 10 tháng 11 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số **102/2017/QĐ-HPTST** ngày 28 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị H** - Sn: 1972. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp 2B, xã XB, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm nông.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn L** - Sn: 1975. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp 2B, xã XB, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-10-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L cùng tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XB, huyện XL, tỉnh Đồng Nai, vào năm 1995. Cuộc sống vợ chồng không H phúc do anh L hay uống rượu về nhà chửi, mắng chị, không có trách

nhệm với gia đình, anh chị không sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn anh L.

Vợ chồng có 03 người con tên Nguyễn Trọng T, sinh năm 1996 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 07-10-2001 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 20-02-2004, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con tên A và C, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không vay nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Anh Nguyễn Văn L (bị đơn) trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về diễn biến cuộc hôn nhân, con chung, T sản và nợ giữa anh và chị H. Anh còn yêu thương vợ con nên không chấp nhận ly hôn.

Nếu Tòa án buộc ly hôn, thì:

Về con chung: Nguyễn Trọng T, sinh năm 1996 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân, Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 07-10-2001 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 20-02-2004, nguyện vọng các con muốn ở với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về T sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị H, chị H được ly hôn anh L; chị H là người trực tiếp nuôi 02 người con chung dưới 18 tuổi, tạm miễn khoản cấp dưỡng nuôi con cho anh L; về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số: 30-LM, Quyền số: 01-95, ngày 22-12-1995 của Ủy ban nhân dân xã XB, huyện XL, tỉnh Đồng Nai

cấp cho anh L – chị H đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh L hay uống rượu, chửi mắng chị, anh L thừa nhận hay uống rượu và cãi nhau với chị H, nhưng anh cho rằng mâu thuẫn của anh chị chưa đến mức phải ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không đến Tòa án để hòa giải, cho thấy anh không có thiện chí vợ chồng cùng nhau giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ. Anh chị không còn sống chung từ năm 2015 đến nay, không gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn. Chứng tỏ hôn nhân của anh L – chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:*

Anh L và chị H thống nhất có 03 người con chung tên Nguyễn Trọng T, sinh năm 1996 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động tự nuôi bản thân; Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 07-10-2001 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 20-02-2004. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con tên A và C, anh L đề nghị xem xét nguyện vọng của các con. Tất cả 02 người con tên Nguyễn Thị Mỹ A và Nguyễn Minh C có nguyện vọng muốn sống cùng chị H, thời gian qua chị H chăm sóc các con đảm bảo. Do đó, giao 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A và Nguyễn Minh C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] *Về T sản:* Anh L và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ chung:* Anh L và chị H trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí:*

Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung:

Giao 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 07-10-2001 và Nguyễn Minh C, sinh ngày 20-02-2004 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi chị H và anh L có yêu cầu khác.

Tạm miễn khoản cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn L.

Anh L được thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản, nhưng không được làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi xét thấy cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc khoản cấp dưỡng nuôi con.

3. Về T sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị H nộp **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng, tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000 (Ba trăm nghìn)** đồng tiền tạm ứng án phí chị H nộp theo Biên lai thu tiền số: **000316** ngày **06-10-2017**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết toàn sao bản án .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã XB;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng